

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 25/12/2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thúy Phương

Ông Nguyễn Trung Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày 06/11/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Mầu Thị N                      Sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Tro Thế D                      Sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà C, khu Đ, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Thành H - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K; địa chỉ: Số 08 đường T, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa (theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C và giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng và thi hành án số: 26/NHCSKS-UQ ngày 06/02/2020 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K). Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Tro Thế D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Mầu Thị N trình bày:*

Bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 02, ngày 27/12/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tro Thế D không làm tròn trách nhiệm một người chồng, người cha. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể kéo dài, bà Mầu Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Tro Thế D.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Tro Hồng S, sinh ngày: 29/12/2002; Tro Xuân Tr, sinh ngày: 13/3/2006; Tro Xuân V, sinh ngày: 03/9/2010; Tro Thị Th, sinh ngày: 18/02/2013.

Bà Mầu Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 04 con chung và không yêu cầu ông Tro Thế D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Mầu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

*Bị đơn ông Tro Thế D trình bày:*

Về việc kết hôn và con chung, ông thống nhất như trình bày của bà Mầu Thị N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường mâu thuẫn về chuyện làm ăn trong gia đình, bà N không tôn trọng ông, tự ý làm mọi chuyện mà không thông qua ông. Ông đã làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Ông vẫn còn thương yêu vợ con nên không chấp nhận ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, do bà N kiên quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 04 con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay của Ngân hàng C huyện K 30.000.000đ vào ngày 08/11/2019 để chăm sóc sấu riêng; đến nay, mới trả được một phần lãi, còn nợ gốc chưa trả. Ông yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng hoặc bà N phải trả toàn bộ nợ vì bà N là người làm đơn ly hôn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:*

Ngày 08/11/2019, gia đình hộ ông Tro Thế D và bà Mầu Thị N có vay vốn chương trình hộ nghèo với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 8,58%/năm, hạn trả nợ cuối cùng: 08/11/2024. Tính đến ngày 10/7/2020, gia đình ông Tro Thế D và bà Mầu

Thị N phải trả lãi:  $30.000.000đ \times 245 \text{ ngày} \times 0,55\% = 1.347.500đ$ , đã trả được 1.318.190đ nên còn nợ lại 30.000.000đ gốc và 29.310đ lãi, tổng cộng cả gốc và lãi gia đình ông Tro Thế D và bà Mầu Thị N còn nợ: 30.029.310đ (Ba mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười đồng). Ngân hàng yêu cầu hộ ông Tro Thế D và bà Mầu Thị N phải trả hết số nợ trên trước khi ly hôn.

Bản án số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466 và Điều 370 Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D.

2. Về con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Mầu Thị N.

Bà Mầu Thị N được trực tiếp nuôi 02 con chung là Tro Hồng S, sinh ngày: 29/12/2002 và Tro Thị Th, sinh ngày: 18/02/2013.

Ông Tro Thế D được trực tiếp nuôi 02 con chung là Tro Xuân Tr, sinh ngày: 13/3/2006 và Tro Xuân V, sinh ngày: 03/9/2010.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng C, bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D. Ông Tro Thế D phải trả cho Ngân hàng C số tiền tính đến ngày 10/7/2020 là: 30.029.310đ (Ba mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười đồng), trong đó, nợ gốc: 30.000.000đ, nợ lãi: 29.310đ và các khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 10/7/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi ông Tro Thế D thanh toán xong khoản nợ gốc.

6. Về án phí: Bà Mầu Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà Mầu Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2012/0009451 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Bà Mầu Thị N đã nộp đủ án phí.

Ông Tro Thế D phải chịu 1.501.466đ án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ.

Ngày 21/7/2020, ông Tro Thế D có đơn kháng cáo phần án phí dân sự 1.501.466đ, cho rằng ông đã nhận trả nợ cho Ngân hàng thì bà Mầu Thị N phải chịu án phí này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo và có đơn đề nghị được miễn án phí.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu:*

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông có đơn đề nghị được miễn án phí và thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, miễn án phí dân sự cho ông Tro Thế D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Mầu Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Tro Thế D, Hội đồng xét xử thấy rằng khoản vay Ngân hàng C ngày 08/11/2019 của hộ ông Tro Thế D và bà Mầu Thị N là do ông D tự ý vay, không có sự trao đổi, nhất trí của bà Mầu Thị N, ông Tro Thế D cũng đã tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ gốc và lãi của khoản vay này nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông chịu án phí dân sự đối với khoản tiền phải trả cho Ngân hàng C là đúng; kháng cáo của ông Tro Thế D không được chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Tro Thế D có đơn đề nghị được miễn án phí. Xét thấy ông Tro Thế D là người dân tộc thiểu số, hiện đang ở tại thôn H, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 528/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông, sửa bản án sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí cho ông.

[4] Các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm về án phí như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D.

2. Về con chung:

- Bà Mầu Thị N được trực tiếp nuôi 02 con chung là Tro Hồng S, sinh ngày: 29/12/2002 và Tro Thị Th, sinh ngày: 18/02/2013.

- Ông Tro Thế D được trực tiếp nuôi 02 con chung là Tro Xuân Tr, sinh ngày: 13/3/2006 và Tro Xuân V, sinh ngày: 03/9/2010.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng C, bà Mầu Thị N và ông Tro Thế D. Ông Tro Thế D phải trả cho Ngân hàng C số tiền tính đến ngày 10/7/2020 là: 30.029.310đ (*Ba mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười đồng*), trong đó, nợ gốc: 30.000.000đ, nợ lãi: 29.310đ và các khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 10/7/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi ông Tro Thế D thanh toán xong khoản nợ gốc.

6. Về án phí:

- Bà Mầu Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà Mầu Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2012/0009451 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Bà Mầu Thị N đã nộp đủ án phí.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Tro Thế D. Trả lại cho ông Tro Thế D 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000316 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu: VP, DS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hiền**